

PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2249/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**phê duyệt Quy hoạch chi tiết Cảng biển Nghi Sơn khu vực vịnh
phía Nam đảo Biện Sơn - tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn
đến năm 2015, định hướng đến 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

*Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng
11 năm 2003;*

*một số điều của Nghị định số 92/2006/
NĐ-CP;*

*Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam
ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Quyết định số 1364/2007/QĐ-
TTg ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch
chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn,
tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP
ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông
vận tải;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2008/QĐ-
TTg ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Thủ
tướng Chính phủ về công bố danh mục
phân loại cảng biển Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP
ngày 07 tháng 9 năm 2006 về lập, thẩm
định, phê duyệt và quản lý quy hoạch
phát triển tổng thể kinh tế - xã hội và
Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11
tháng 01 năm 2008 về sửa đổi, bổ sung*

*Căn cứ Quyết định số 2619/QĐ-BGTVT
ngày 08 tháng 9 năm 2002 của Bộ trưởng
Bộ GTVT phê duyệt quy hoạch chi tiết
nhóm cảng biển Bắc Trung bộ (nhóm 2)
đến năm 2010;*

Trên cơ sở Văn bản số 20/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt quy hoạch chi tiết khu cảng tổng hợp phía Nam đảo Biện Sơn thuộc cảng biển Nghi Sơn - Thanh Hóa kèm theo hồ sơ quy hoạch; báo cáo của cơ quan tư vấn thẩm tra thẩm định quy hoạch, ý kiến các cơ quan liên quan; Văn bản 367/BQLKTNS-QLXD ngày 10 tháng 6 năm 2008, Văn bản số 471/BQLKTNS-QLXD ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn về việc cập nhật, giải trình bổ sung ý kiến thẩm tra quy hoạch và ý kiến của các cơ quan liên quan;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết cảng Nghi Sơn khu vực vịnh phía Nam đảo Biện Sơn - Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

(Kèm theo bản vẽ mặt bằng quy hoạch và phụ lục chi tiết)

1. Phạm vi quy hoạch

Khu vực vịnh phía Nam đảo Biện Sơn; tổng diện tích 922 ha (bao gồm cả vùng nước và chưa kể bến chuyên dụng phục vụ Nhà máy đóng tàu), nằm ở phía Nam của tỉnh Thanh Hóa, giáp với Nghệ An, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp đường sang đảo Biện Sơn
- Phía Nam giáp vùng biển huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An
- Phía Đông giáp đảo Biện Sơn
- Phía Tây tuyến đường tỉnh 513 trong Khu kinh tế.

2. Chức năng và nhiệm vụ

Là cảng tổng hợp đa năng, đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ KKT Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa và các vùng lân cận.

3. Các chỉ tiêu quy hoạch

3.1. Chỉ tiêu về lượng hàng

Đơn vị: 1000 T

TT	Loại hàng	Thời điểm quy hoạch		
		2015	2020	2025
1	Hàng tổng hợp	6.900	9.840	15.000

TT	Loại hàng	Thời điểm quy hoạch		
		2015	2020	2025
2	Xi măng	4.372	4.870	6.310
3	Clinker	1.500	3.000	3.000
4	Dầu khí + khí gas hóa lỏng	13.000	19.000	26.000
5	Hàng của nhà máy nhiệt điện	1.000	2.000	5.000
6	Tổng lượng hàng qua cảng	26.772	38.710	55.310

3.2. Chỉ tiêu về đội tàu

- Giai đoạn 2015: tiếp nhận cỡ tàu 30.000 ÷ 50.000 DWT.

- Giai đoạn 2020 và 2025: tiếp nhận cỡ tàu 50.000 DWT.

3.3. Chỉ tiêu sử dụng đất:

Tổng diện tích quy hoạch là 922 ha. Trong đó, phạm vi quy hoạch vùng đất là 438 ha, vùng nước là 484 ha.

4. Tổ chức không gian

4.1. Phân khu chức năng

Cảng bao gồm các khu chức năng sau: Bến cảng tổng hợp, bến container, các bến chuyên dụng phục vụ khu kinh tế Nghi Sơn (bến xuất Nhà máy lọc hóa dầu, than nhiệt điện, xuất nhập xăng dầu...). Theo chức năng, cảng gồm các khu như sau:

- Khu bến cảng tổng hợp: gồm 3 bến

cho tàu 30.000 DWT, diện tích 12ha, chiều dài bến 555m.

- Khu bến cảng xuất sản phẩm cho nhà máy lọc hóa dầu: gồm 6 bến chuyên dụng cho tàu 30.000 DWT, diện tích 33 ha.

- Khu bến cảng chuyên dụng & tổng hợp: gồm 8 bến cho tàu 30.000 DWT, diện tích 71ha, chiều dài bến 2000m.

- Khu bến cảng Nhà máy nhiệt điện: gồm 5 bến cho tàu đến 30.000 DWT, diện tích 16ha, chiều dài bến 560m.

- Khu bến cảng tổng hợp & container: gồm 6 bến cho tàu đến 50.000 DWT, diện tích 93ha, chiều dài bến 1500m.

- Khu cảng xuất nhập xăng, dầu, gas hóa lỏng: gồm 2 bến chuyên dụng cho tàu đến 50.000 DWT, diện tích 48ha.

- Khu đất dự phòng phát triển: diện tích 93ha.

- Khu các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển: diện tích 3.8ha.

- Khu nước, luồng tàu và các công trình bảo vệ: diện tích 484 ha.

4.2. Quy hoạch tuyến bến

Trong khu vực quy hoạch cảng, có các bến đã xây dựng, đang xây dựng và các dự án đã được thỏa thuận vị trí. Do đó quy hoạch tuyến bến tiếp theo cho các bến cảng sẽ dựa trên cơ sở là không gian còn lại trong phạm vi quy hoạch, đồng thời tôn trọng và giữ nguyên vị trí các dự án đã thực hiện.

5. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cảng

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Cảng sẽ được kết nối với Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài theo quy hoạch chung của Khu kinh tế.

5.1. Quy hoạch đường tới cảng và đường trong cảng

- Đường nối với cảng:

+ Tuyến đường trục chính: cắt ngang rộng 36m, gồm 6 làn đường, giải phân cách cố định ở giữa nối Cảng với quốc lộ 1A và đường cao tốc Bắc Nam, tuyến đường này sẽ nối kết với tuyến trung tâm của KKT bằng nhánh rẽ tại hồ Đồng Chùa (theo tuyến Nghi Sơn - Bãi Trành) có mặt cắt tương tự.

+ Tuyến đường chạy dọc ven biển: mặt cắt ngang toàn bộ rộng 36m, gồm 6 làn đường, bề rộng mặt đường mỗi bên là 10.5m, giải phân cách giữa rộng 3m, hai

bên lề mỗi bên rộng 6m. Tuyến đường này sẽ kết nối khu cảng với các khu công nghiệp lọc hóa dầu, khu phi thuế quan và khu công nghiệp khác cũng như khu trung tâm tổng hợp nằm ở phía Bắc. Trong tương lai tuyến đường ven biển này sẽ được nối thông sang Quỳnh Lưu, Nghệ An.

- Đường trong cảng: tối thiểu 2 làn xe, tốc độ 20km/h, tải trọng tương đương H30, bán kính cong tối thiểu 22,5m.

5.2. Quy hoạch luồng tàu và khu quay trở

- Luồng tàu: luồng hai chiều, dài khoảng 7km, cho tàu 30.000 đến 50.000DWT.

- Khu quay trở tàu gồm hai khu đáp ứng cho việc khai thác tàu có trọng tải từ 30.000DWT đến tàu 50.000DWT.

5.3. Quy hoạch san nền

- Tổng diện tích quy hoạch là 922 ha, trong đó diện tích vùng đất là 438 ha và diện tích vùng nước là 484 ha. Khối lượng tôn tạo khoảng 27 triệu m³, khối lượng nạo vét khoảng 50 triệu m³.

- Khối lượng đất cát san lấp sẽ được lấy từ các mỏ thuộc phạm vi Khu kinh tế Nghi Sơn và có thể tận dụng một phần lượng cát nạo vét từ khu nước của Cảng.

- Cao độ của hệ thống đường bãi trong

khu cảng được quy hoạch dựa trên cơ sở của cao độ đỉnh bến.

5.4. Quy hoạch cấp điện

- Chỉ tiêu cấp điện đối với khu chức năng công nghiệp trong cảng là 150 kW/ha. Tổng công suất tiêu thụ dự kiến:

+ Giai đoạn 2015 là 33.750 KW;

+ Giai đoạn hoàn chỉnh là 62.516 KW.

- Theo quy hoạch chung, nguồn điện cấp cho khu cảng từ hệ thống điện quốc gia, dự kiến cấp từ trạm 220KV Nghi Sơn. Lưới điện sử dụng điện áp 22KV.

- Khu cảng Chuyên dụng & tổng hợp chọn: 03 trạm biến áp, mỗi trạm đặt 2 máy 2000KVA-22/6.6KV và 2 máy 2000KVA-22/0.4KV.

- Khu cảng Tổng hợp & Container chọn: 03 trạm biến áp, mỗi trạm đặt 2

máy 2000KVA-22/6.6KV và 2 máy 2000KVA-22/0.4KV.

5.5. Quy hoạch cấp nước

- Nước sạch lấy từ Nhà máy nước khu vực hồ Đồng Chùa chạy dọc theo tuyến đường nối đến các khu của Cảng. Đường ống cung cấp nước có đường kính từ D150 đến D400.

- Tổng nhu cầu tiêu thụ nước của toàn bộ khu cảng dự kiến:

+ Giai đoạn 2015 là 8.870 m³/ngày. đêm

+ Giai đoạn hoàn chỉnh là 16.476 m³/ngày. đêm

6. Khái toán vốn đầu tư

Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư xây dựng:

TT	Dự án	Ước tính giá trị vốn đầu tư (tỷ đồng)	
		Giai đoạn 2015	Giai đoạn 2025
1	Bến cảng tổng hợp	458	458
2	Bến cảng NM lọc hóa dầu (cả khu phát triển tương lai)	525	1.050
3	Bến cảng Chuyên dụng & tổng hợp	780	1.560
4	Bến cảng NM nhiệt điện	520	520
5	Bến cảng Tổng hợp & Container	1.075	2.145
6	Khu dự phòng phát triển	1.000	2.000
7	Khu các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển	50	100

TT	Dự án	Ước tính giá trị vốn đầu tư (tỷ đồng)	
		Giai đoạn 2015	Giai đoạn 2025
8	Công trình bảo vệ	500	1.000
9	Luồng tàu vào cảng và vùng quay trở tàu	1.250	2.500
10	Vùng nước trước cầu cảng	550	1.100
	Tổng giá trị vốn	6.708	12.433

Ghi chú: Chưa kể bến chuyên dụng phục vụ Nhà máy đóng tàu

Điều 2. Tổ chức quản lý, thực hiện quy hoạch

1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân Tỉnh Thanh Hóa, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối, kết hợp trong quá trình quản lý, thực hiện các mục tiêu quy hoạch của cảng biển Nghi Sơn, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

2. Quản lý quy hoạch

- Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chỉnh bổ sung các bến cảng. Trường hợp có nhu cầu thực tế đòi hỏi điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, Cục Hàng hải Việt Nam trình Bộ xem xét bổ sung, điều chỉnh theo thẩm quyền đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương tổ chức quản lý quy hoạch chuyên ngành hàng hải và thực hiện đúng Quy hoạch được duyệt theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch đầu tư, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Trưởng ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

Phụ lục: Thông số quy hoạch chi tiết khu cảng Nghi Sơn

(kèm theo Quyết định số 2249/QĐ-BGTVT ngày 31/7/2008 của Bộ Giao thông vận tải)

A. VÙNG ĐẤT CẢNG (diện tích khoảng 438 ha)

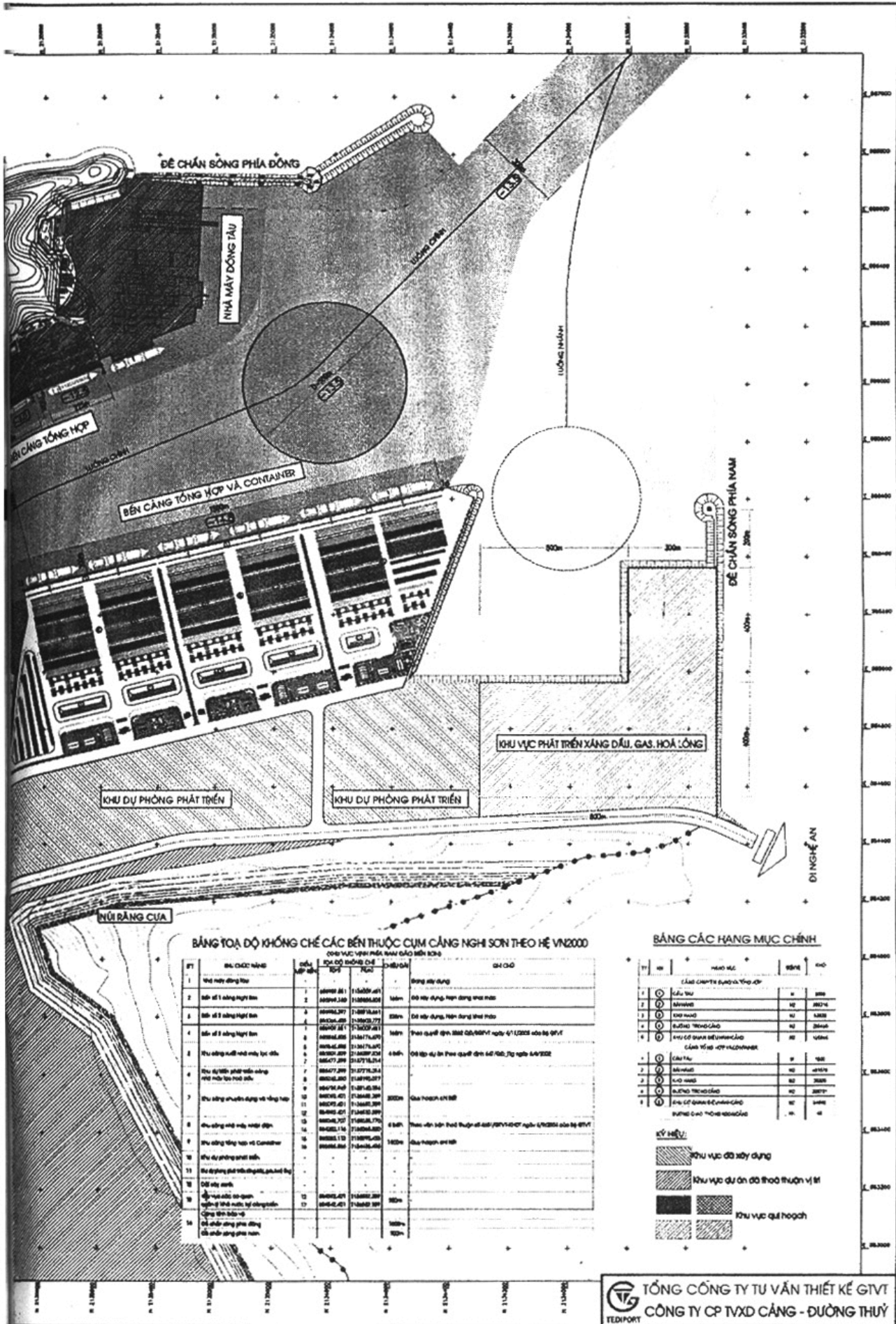
TT	Phân khu chức năng	Các chỉ tiêu quy hoạch						Ghi chú
		Diện tích (ha)	Số lượng bến	Chiều dài bến (m)	Cao độ đáy (m)	Cỡ tàu tiếp nhận (DWT)	Công suất (TrTấn/năm)	
1	Cảng tổng hợp	12	3	555	- 9,0 ÷ - 12,5	30.000	1,64	Theo QĐ số 3262/QĐ-BGTVT ngày 04/11/2003;
2	Cảng xuất SP lỏng NM lọc hóa dầu	33	6	-	- 12,5	30.000	13	Theo QĐ số 647/QĐ-TTg ngày 05/8/2002;
	Khu phát triển cảng cho NMLD	21	-	1000	-	30.000	5	Dự phòng phát triển
3	Cảng chuyên dụng & tổng hợp	71	8	2000	- 12,5	30.000	12	

TT	Phân khu chức năng	Các chỉ tiêu quy hoạch						Ghi chú
		Diện tích (ha)	Số lượng bến	Chiều dài bến (m)	Cao độ đáy (m)	Cỡ tàu tiếp nhận (DWT)	Công suất (TrTấn/năm)	
4	Cảng nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn	16	5	560	-7,7 ÷ -12,5	1000 ÷ 30.000	5	Theo VB số 4651/GTVT-KHĐT ngày 08/9/2004
5	Cảng Tổng hợp & container	93	6	1500	-14,8	50.000	13,5	
6	Khu phát triển cảng xăng dầu, gas hóa lỏng	48	2	-	-	50.000	10	Khu vực dự phòng phát triển
7	Khu cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển	3,8	-	250	-	Tàu công vụ		
8	Khu trồng cây xanh	2,3						
9	Khu đất dự phòng phát triển	93						
10	Đường giao thông	45						

Ghi chú: Chưa kê bến chuyên dụng phục vụ Nhà máy đóng tàu

B. VÙNG NƯỚC CẢNG VÀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ (diện tích khoảng 484 ha)

TT	Công trình	Chỉ tiêu quy hoạch			Ghi chú
		Chiều rộng (m)	Chiều dài (m)	Cao độ đáy (m)	
1	Luồng tàu	300	7000	- 13,5	
2	Khu quay trở 1, 2	560 / 400		- 13,5 / -12,0	
3	Đê chắn sóng		2000		Phía Đông và phía Nam



09621813